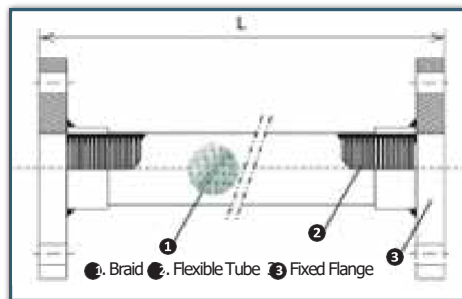


SẢN PHẨM FL-100 MẶT BÍCH ĐƯỢC CHẾ TẠO THEO TIÊU CHUẨN

- * Mặt bích tiêu chuẩn: JIS 10K, ANSI 150, PN16, ...
- * Đường kính danh nghĩa: 15A ÷ 350A.
- * Chiều dài tiêu chuẩn: 200, 300, 400, 500, 600, 800, 1000mm.
 - Các chiều dài khác có thể cung cấp theo yêu cầu.
- * Hai đầu mặt bích được hàn cố định.
- * Vật liệu mặt bích: SS400 (mạ kẽm, sơn), INOX 304.

FLANGE PRODUCTS MADE TO STANDARD

- * Standard fitting: JIS 10K, ANSI 150, PN16, ...
- * Nominal diameter: 15A ÷ 350A.
- * Standard length: 200, 300, 400, 500, 600, 800, 1000mm.
 - Other length is available on request.
- * 2 fixed flanges.
- * Fitting materials: SS400 (Zinc plating), INOX 304.



SST1: Single Braid



SST2: Double Braids

Kích thước Danh nghĩa (Nominal diameter)		Loại ống (hose type)	Áp suất làm việc lớn nhất tại 20 °C (maximum working pressure at 20 °C) Bar	Áp suất thử lớn nhất tại 20 °C (maximum test pressure at 20 °C) Bar	Nhiệt độ làm việc lớn nhất (maximum working temperature)	Bán kính cong nhỏ nhất (minimum bend radius flexing)		Đường kính ngoài danh nghĩa (nominal O.D)	
Mm	inch					Mm	inch	Mm	inch
15	1/2	SST 1	40	62.5	350 °C	125	5	20.0	0.80
		SST 2	60	70		125	5	21.4	0.86
20	3/4	SST 1	35	50	350 °C	150	6	27.0	1.08
		SST 2	50	70		150	6	29.1	1.16
25	1	SST 1	30	37	350 °C	175	7	34.5	1.38
		SST 2	40	50		175	7	36.6	1.46
32	1 1/4	SST 1	25	32	350 °C	200	8	42.0	1.68
		SST 2	35	45		200	8	44.5	1.78
40	1 1/2	SST 1	25	30	350 °C	250	10	51.0	2.04
		SST 2	30	40		250	10	52.1	2.12
50	2	SST 1	16	30	350 °C	350	14	63.0	2.52
		SST 2	30	45.5		350	14	65.4	2.62
65	2 1/2	SST 1	16	25	350 °C	500	20	81.0	3.24
		SST 2	25	37		500	20	84.0	3.36
80	3	SST 1	16	24	350 °C	525	21	98.0	3.92
		SST 2	27	37		525	21	101.0	4.04
100	4	SST 1	12	18	350 °C	625	25	130.0	5.20
		SST 2	25	37		625	25	132.0	5.28
125	5	SST 1	10	15	350 °C	750	30	156.0	6.24
		SST 2	16	25		750	30	159.0	6.36
150	6	SST 1	10	16	350 °C	900	36	183.0	7.32
		SST 2	16	25		900	36	188.0	7.52
200	8	SST 1	10	15	350 °C	1020	40	238.0	9.52
		SST 2	16	25		1020	40	240.0	9.60
250	10	SST 1	10	15	350 °C	1220	48	291.0	11.64
		SST 2	16	25		1220	48	296.4	11.86
300	12	SST 1	10	14	350 °C	2900	116	343.0	13.72
		SST 2	16	24		2900	116	348.0	13.92
350	14	SST 1	10	14	350 °C	2950	118	384.0	15.36
		SST 2	16	24		2950	118	389.0	15.56